

Một số đặc điểm giải phẫu và định khu nhánh thái dương thần kinh mặt đoạn ngoài tuyến mang tai ở người Việt trưởng thành

Some anatomical characteristics of the temporal branches of the facial nerve in the extraparotid gland in adult Vietnamese

Phạm Ngọc Minh, Đinh Viết Nghĩa,
Nguyễn Tài Sơn, Lê Thị Thu Hải

Bệnh viện Trung ương Quân đội 108

Tóm tắt

Mục tiêu: Mô tả một số đặc điểm giải phẫu và định khu nhánh thái dương thần kinh mặt đoạn ngoài tuyến mang tai ở người Việt trưởng thành. **Đối tượng và phương pháp:** 12 mẫu nửa mặt (bên phải: 7, bên trái: 5) trên xác ướp người Việt trưởng thành (05 xác cả hai nửa mặt và 02 xác chỉ có nửa mặt bên phải). Giới tính: 04 nam (57,1%) và 03 nữ (42,9%). Tuổi trung bình: $73,00 \pm 13,39$ tuổi (52 - 88 tuổi). Phương pháp nghiên cứu mô tả cắt ngang có phân tích. **Kết quả và kết luận:** Nhánh thái dương thần kinh mặt đi dưới mạc thái dương (100%). Số lượng nhánh thái dương mặt thoát ra khỏi bờ trên của tuyến mang tai trung bình là $2,50 \pm 0,67$ nhánh (2 - 4 nhánh), không có sự khác biệt giữa bên phải và bên trái ($p > 0,05$). Ở ngoài tuyến mang tai, chiều dài phân nhánh thứ nhất của nhánh thái dương thần kinh mặt là $33,84 \pm 6,69$ mm; phân nhánh thứ 2 là $32,08 \pm 6,12$ mm và phân nhánh thứ 3 là $30,71 \pm 7,08$ mm. Khoảng cách từ khước mắt ngoài đến các nhánh thái dương thần kinh mặt nằm trên đường thẳng (d) của phân nhánh thứ 1 là $53,91 \pm 6,45$ mm; phân nhánh thứ 2 là $58,16 \pm 6,56$ mm và phân nhánh thứ 3 là $58,79 \pm 5,50$ mm. Khoảng cách từ nơi nhánh thái dương thoát ra khỏi bờ trên của tuyến mang tai (M) đến đường thẳng (d) [đi qua khước mắt ngoài và điểm chân của gờ luân giao với mặt] và (d2) [đi qua khước mắt ngoài và điểm trên bình tai, ngay bờ trên ống tai ngoài] là $28,48 \pm 8,18$ mm và $14,97 \pm 5,10$ mm.

Từ khóa: Nhánh trán, thần kinh mặt, cơ trán.

Summary

Objective: To identify the anatomical characteristics of the temporal branches of the facial nerve in the extraparotid gland in adult Vietnamese peoples. **Subject and method:** 12 hemi-faces (right: 7; left: 5) of Vietnamese cadavers (average age: 73.00 ± 13.39 : 52 - 88 years; 8 men and 4 women). Research method: A cross-sectional description with analysis. **Result and conclusion:** The temporal branch of the facial nerve lies on the undersurface of the temporoparietal fascia-SMAS layer (100%). The average number of the temporal branches of the facial nerve escaping from the upper margin of the parotid gland was 2.50 ± 0.67 branches (2 - 4 branches), there was no difference between the right and the left side ($p > 0.05$). In the extraparotid gland, the length of the first temporal branch of the facial nerve was 33.84 ± 6.69 mm; second temporal branch was 32.08 ± 6.12 mm and third temporal branch was 30.71 ± 7.08 mm. The distance from the lateral orbital rim to the temporal branch of the facial nerve on the line (d) of the

Ngày nhận bài: 8/5/2020, ngày chấp nhận đăng: 20/5/2020

Người phản hồi: Lê Thị Thu Hải; Email: lethuhai3009@gmail.com - Bệnh viện Trung ương Quân đội 108

first temporal branch was $53.91 \pm 6.45\text{mm}$; second temporal branch was $58.16 \pm 6.56\text{mm}$ and third temporal branch was $58.79 \pm 5.50\text{mm}$. The distance from the temporal branch escapes from the upper margin of the parotid gland (M) to the (d) line [passing the lateral orbital rim and root of the helix of the ear] and the (d2) line [passing the lateral orbital rim and tragation on the outer ear] were $28.48 \pm 8.18\text{mm}$ and $14.97 \pm 5.10\text{mm}$.

Keywords: Temporal branch of the facial nerve, facial nerve, frontal muscle.

1. Đặt vấn đề

Nhánh trán là nhánh trên nhất của nhánh thái dương thần kinh mặt, đi qua bờ trên cung gò má tại điểm đường chân tóc vùng thái dương cắt qua cung gò má; đi chéo qua vùng thái dương đến điểm trên và ngoài nhất của cung mày, nhưng không vượt lên trên cung mày quá 2cm. Đây là nhánh thường bị tổn thương trong khi phẫu thuật vùng thái dương do lớp mô dưới da che phủ bên trên khá mỏng.

Nhánh thái dương thần kinh mặt bắt đầu phía trên bình tai khoảng 2cm. Ở dưới cung gò má, nhánh thái dương chạy dưới lớp mạc của mặt, tiếp tục đi ngang và lên trên cung gò má, thường cho 3 nhánh chính: Nhánh tai (sau), nhánh trán (giữa) và nhánh ổ mắt (trước).

Đặc điểm giải phẫu của nhánh này rất đa dạng nên phẫu thuật viên cần xác định trước đường đi của nó trước lúc phẫu thuật. Vì vậy, đề tài nghiên cứu được tiến hành nhằm mục tiêu: *Xác định một số đặc điểm giải phẫu và định khu nhánh thái dương thần kinh mặt đoạn ngoài tuyến mang tai ở người Việt trưởng thành.*

2. Đối tượng và phương pháp

2.1. Đối tượng

Gồm 12 mẫu nửa mặt (bên phải: 7, bên trái: 5) trên xác ướp formol người Việt (tuổi trung bình: $73,00 \pm 13,39$; 52 - 88 tuổi; 8 nam và 4 nữ) được bảo quản tại Bộ môn Giải Phẫu học - Trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh.

Tiêu chuẩn chọn mẫu

Các mẫu được chọn thuận tiện từ các xác dùng để giảng dạy cho sinh viên tại Bộ môn Giải Phẫu học, Trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh.

Xác được chọn không có vết mổ trên mặt.

Xác được bảo quản trong vòng 2 năm từ ngày nhận xác đến thời điểm lấy mẫu.

Tiêu chuẩn loại trừ

Chúng tôi loại khỏi nghiên cứu các xác có một trong các đặc điểm sau đây:

Bất thường bẩm sinh hoặc bệnh lý, phẫu thuật ở vùng mặt làm biến đổi cấu trúc giải phẫu mặt;

Những xác được xử lý không đạt chuẩn hoặc có chất lượng kém có thể ảnh hưởng đến kết quả nghiên cứu;

Xác không biết được năm sinh;

Xác của người nước ngoài.

2.2. Phương pháp

Thiết kế nghiên cứu: Mô tả cắt ngang có phân tích.

Phương tiện nghiên cứu: Phiếu thu thập số liệu.

Máy ảnh Nikon D90, ống kính Macro.

Loupe phẫu tích cá nhân (độ phóng đại 2,5 lần).

Bộ dụng cụ phẫu tích gồm có: Dao, kéo phẫu tích, kim Kelly, kềm Allis, nhíp có mẫu và không mẫu, móc đơn, móc đôi.

Bộ dụng cụ đo đạc gồm có: Thước kẹp, thước compa, thước đo góc.

Các mốc giải phẫu sử dụng trong nghiên cứu (Hình 1):

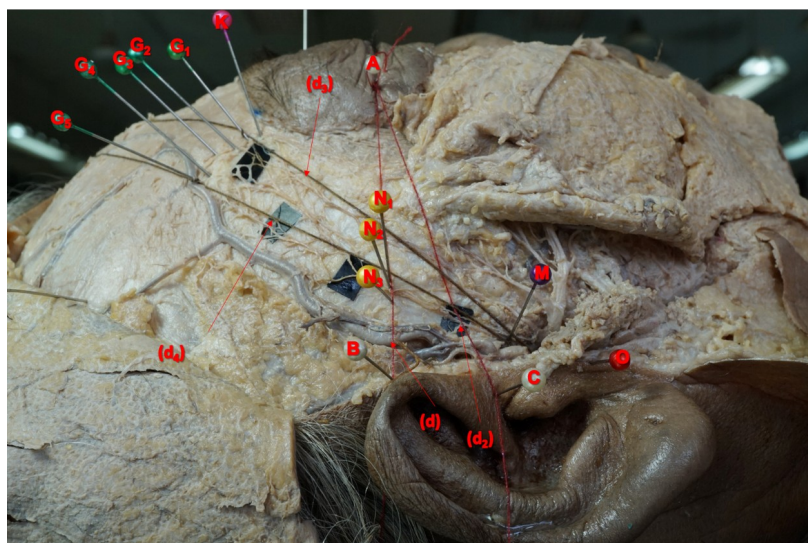
Điểm A: Điểm góc mắt ngoài.

Điểm B: Điểm chân của gờ luân giao với mặt.

Điểm C: Điểm trên bình tai (nếp tai), ngay bờ trên ống tai ngoài (tragion).

Điểm M: Nơi nhánh thái dương thoát ra khỏi bờ trên của tuyến mang tai. Trong trường hợp có 2 đến 3 nhánh thái dương thoát ra khỏi bờ trên tuyến mang tai, sẽ kí hiệu là M_1 , M_2 , M_3 .

Điểm Ni: Các giao điểm của đường thẳng (d) với các nhánh thái dương.



Hình 1. Các mốc giải phẫu và biến số trong nghiên cứu

Các biến số sử dụng trong nghiên cứu:

(d): Đường thẳng đi qua điểm A và điểm B,

(d2): Đường thẳng đi qua điểm A và điểm C.

MNi ($i = 1; 2; 3; \dots$): Chiều dài nhánh thái dương nằm ngoài tuyến mang tai tính từ bờ trên tuyến đến đường thẳng (d).

ti: Bề dày của đoạn thần kinh MNi tương ứng đo tại điểm giữa.

ri: Bề ngang (rộng) của đoạn thần kinh MNi tương ứng đo tại điểm giữa.

ANi ($i = 1; 2; 3; \dots$): Khoảng cách đo từ điểm khóe mắt ngoài đến các điểm Ni, nằm trên đường thẳng (d).

dM: Khoảng cách đo từ điểm M đến đường thẳng (d).

d2M: Khoảng cách đo từ điểm M đến đường thẳng (d2).

Các biến số có đơn vị tính bằng milimeter (mm).

Xử lý số liệu: Bằng phần mềm SPSS 22.0 với phép kiểm χ^2 , phép kiểm t-test (được dùng khi giá trị $p < 0,05$). Các số liệu được lấy hai số lẻ sau dấu phẩy.

3. Kết quả

Ở đoạn ngoài tuyến mang tai, nhánh thái dương thần kinh mặt đi dưới mạc thái dương (100%). Số lượng nhánh thái dương mặt thoát ra khỏi bờ trên của tuyến mang tai trung bình là $2,50 \pm 0,67$ nhánh (2 - 4 nhánh), không có sự khác biệt giữa bên phải và bên trái ($p > 0,05$), (Bảng 1).

Bảng 1. Đặc điểm hình thái nhánh thái dương thần kinh mặt đoạn ngoài tuyến mang tai

Chỉ số	Bên phải (n = 7)		Bên trái (n = 5)		Tổng số (n = 12)	
	n	%	n	%	n	%
Dưới mạc thái dương	7	100,0	5	100,0	12	100,0
2 nhánh	4	57,1	3	60,0	7	58,3
3 nhánh	2	28,6	2	40,0	4	33,3
4 nhánh	1	14,3	0	0,0	1	8,3
Trung bình $\bar{X} \pm SD$	2,57 $\pm$ 0,78		2,40 $\pm$ 0,54		2,50 $\pm$ 0,67	
	p>0,05				(2 - 4)	

Bảng 2. Chiều dài các nhánh thái dương thần kinh mặt đoạn ngoài tuyến mang tai

Nhánh	Bên phải (n = 7) ($\bar{X} \pm SD$) (mm)	Bên trái (n = 5) ($\bar{X} \pm SD$) (mm)	Tổng số (n = 12) ($\bar{X} \pm SD$) (mm)
Nhánh 1	34,01 ± 7,33	33,60 ± 6,51	33,84 ± 6,69
	p>0,05		(23,12 - 45,58)
Nhánh 2	31,73 ± 6,58	32,57 ± 6,14	32,08 ± 6,12
	p>0,05		(21,42 - 41,56)
Nhánh 3 (phải: n = 3; trái: n = 2)	26,38 ± 5,47	37,21 ± 0,55	30,71 ± 7,08
	p>0,05		(20,94 - 37,60)

Kết quả ở Bảng 2 cho thấy chiều dài nhánh thái dương thần kinh mặt đoạn ngoài tuyến mang tai của nhánh 1 là 33,84 $\pm$ 6,69mm (23,12 - 45,58mm); nhánh 2 là 32,08 $\pm$ 6,12mm (21,42 - 41,56mm) và nhánh 3 là 30,71 $\pm$ 7,08mm (20,94 - 37,60mm), không có sự khác biệt giữa bên phải và bên trái (p>0,05).

Bảng 3. Chiều rộng các nhánh thái dương thần kinh mặt đoạn ngoài tuyến mang tai

Nhánh	Bên phải (n = 7) ($\bar{X} \pm SD$) (mm)	Bên trái (n = 5) ($\bar{X} \pm SD$) (mm)	Tổng số (n = 12) ($\bar{X} \pm SD$) (mm)
Nhánh 1	0,42 ± 0,18	0,56 ± 0,31	0,48 ± 0,24
	p>0,05		(0,22 - 0,92)
Nhánh 2	0,56 ± 0,21	0,50 ± 0,20	0,54 ± 0,20
	p>0,05		(0,24- 0,96)
Nhánh 3 (phải: n = 3; trái: n = 2)	0,43 ± 0,10	0,29 ± 0,04	0,37 ± 0,10
	p>0,05		(0,26 - 0,54)

Qua Bảng 3 thấy chiều rộng nhánh thái dương thần kinh mặt đoạn ngoài tuyến mang tai của nhánh 1 là 0,48 $\pm$ 0,24mm (0,22 - 0,92mm); nhánh 2 là 0,54 $\pm$ 0,20mm (0,24 - 0,96mm) và nhánh 3 là 0,37 $\pm$ 0,10mm (0,26 - 0,54mm), không có sự khác biệt giữa bên phải và bên trái (p>0,05).

Bảng 4. Bề dày các nhánh thái dương thần kinh mặt đoạn ngoài tuyến mang tai

Nhánh	Bên phải (n = 7) ($\bar{X} \pm SD$) (mm)	Bên trái (n = 5) ($\bar{X} \pm SD$) (mm)	Tổng số (n = 12) ($\bar{X} \pm SD$) (mm)
Nhánh 1	0,11 ± 0,03	0,13 ± 0,06	0,12 ± 0,04 (0,06- 0,20)
	p>0,05		
Nhánh 2	0,14 ± 0,03	0,12 ± 0,03	0,14 ± 0,03 (0,08- 0,22)
	p>0,05		
Nhánh 3 (phải: n= 3; trái: n=2)	0,12 ± 0,00	0,10 ± 0,02	0,11 ± 0,01 (0,08 - 0,12)
	p>0,05		

Qua Bảng 4 thấy bề dày nhánh thái dương thần kinh mặt đoạn ngoài tuyến mang tai của nhánh 1 là 0,12 $\pm$ 0,04mm (0,06 - 0,20mm); nhánh 2 là 0,14 $\pm$ 0,03mm (0,08 - 0,22mm) và nhánh 3 là 0,11 $\pm$ 0,01mm (0,08 - 0,12mm), không có sự khác biệt giữa bên phải và bên trái (p>0,05).

Bảng 5. Khoảng cách từ điểm khóe mắt ngoài đến các điểm Ni, nằm trên đường thẳng (d)

Nhánh	Bên phải (n = 7) ($\bar{X} \pm SD$) (mm)	Bên trái (n = 5) ($\bar{X} \pm SD$) (mm)	Tổng số (n = 12) ($\bar{X} \pm SD$) (mm)
Nhánh 1	53,49 ± 6,81	54,51 ± 6,63	53,91 ± 6,45
	p>0,05		(43,26 - 63,70)
Nhánh 2	58,32 ± 7,13	57,94 ± 6,47	58,16 ± 6,56
	p>0,05		(47,32 - 68,98)
Nhánh 3 (phải: n = 3; trái: n = 2)	58,35 ± 5,17	59,45 ± 8,13	58,79 ± 5,50
	p>0,05		(53,12 - 65,20)

Kết quả nghiên cứu ở Bảng 5 cho thấy khoảng cách từ điểm khóe mắt ngoài đến các nhánh thái dương thần kinh mặt nằm trên đường thẳng (d) của nhánh 1 là 53,91 ± 6,45mm (43,26 - 63,70mm); nhánh 2 là 58,16 ± 6,56mm (47,32 - 68,98mm) và nhánh 3 là 58,79 ± 5,50mm (53,12 - 65,20mm), không có sự khác biệt giữa bên phải và bên trái (p>0,05).

Bảng 6. Khoảng cách từ nơi nhánh thái dương thần kinh mặt thoát ra khỏi bờ trên của tuyến mang tai (M) đến đường thẳng (d) và (d2)

Khoảng cách	Bên phải (n = 7) ($\bar{X} \pm SD$)	Bên trái (n = 4) ($\bar{X} \pm SD$)	Tổng số (n = 11) ($\bar{X} \pm SD$)
Khoảng cách dM (mm)	29,07 ± 5,62	27,44 ± 12,56	28,48 ± 8,18
	p>0,05		(8,94 - 36,54)
Khoảng cách d2M (mm)	13,57 ± 4,99	17,42 ± 4,93	14,97 ± 5,10
	p>0,05		(7,34 - 23,56)

Qua Bảng 6 thấy khoảng cách từ nơi nhánh thái dương thoát ra khỏi bờ trên của tuyến mang tai (M) đến đường thẳng (d) và (d2) là 28,48 ± 8,18mm (8,94 - 36,54mm) và 14,97 ± 5,10mm (7,34mm - 23,56mm), không có sự khác biệt giữa bên phải và bên trái (p>0,05).

4. Bàn luận

4.1. Liên quan và số lượng nhánh thái dương thần kinh mặt đoạn ngoài tuyến mang tai

Những phân nhánh của nhánh thái dương TK mặt xuất phát từ tuyến nước bọt mang tai và dưới cung gò má, sau đó đi ngang vào trong mạc thái dương nông phía trên cung gò má dọc theo đường Pitanguay. Qua nghiên cứu thấy ở đoạn ngoài tuyến mang tai, nhánh thái dương TK mặt đi dưới mạc thái dương (100%). Theo Nguyễn Văn Thanh (1991) [1]: Trước cung gò má: Thần kinh chạy cong

ở trước cung gò má, từ sâu ra nông, chọc qua bao tuyến mang tai. Trước mạc thái dương: TK phân chia từ 2 - 4 lần, nối với nhau ngay dưới da. Động mạch gò má ổ mắt xuất phát từ ĐM thái dương nông chạy vào trong, bắt chéo trước các nhánh phân kỳ của nhánh trán. Còn nhánh gò má mặt cùng dây V chạy ở phía trước thần kinh nhưng theo hướng ngược lại từ trong ra ngoài.

Babakurban ST và cộng sự (2010) [2] nghiên cứu 12 nửa mặt thấy các nhánh thái dương của thần kinh mặt đi vào lớp sâu của mạc thái dương đỉnh và hệ thống cân cơ nông dọc theo cung gò má là 1 tiêu bản (14,3%), 2 tiêu bản (57,1%), 3 tiêu bản (14,3%), 4 tiêu bản (14,3%). Các mạc thái dương không dính với cung gò má mà liên tục như hệ thống cân cơ nông.

Qua nghiên cứu chúng tôi thấy số lượng nhánh thái dương TK mặt thoát ra khỏi bờ trên của tuyến mang tai trung bình là 2,50 ± 0,67 nhánh (2 - 4

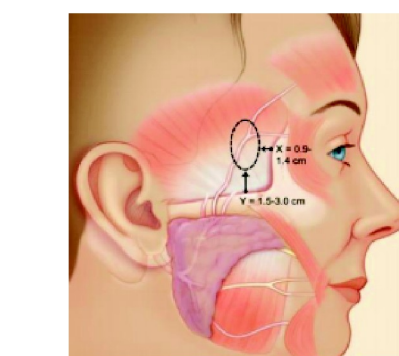
nhánh), không có sự khác biệt giữa bên phải và bên trái ($p > 0,05$) (Bảng 5).

Kết quả này tương tự nghiên cứu của Gosain A.K. và cộng sự (1997): Có 2 - 4 phân nhánh của nhánh thái dương TK mặt ngang qua cung gò má; số lượng phân nhánh của nhánh thái dương ngang qua và trên cung gò má là 1 phân nhánh (14,3%), 2 phân nhánh (57,1%), 3 phân nhánh (14,3%) và 4 phân nhánh (14,3%) [3]; Zani R và cộng sự (2003): Các phân nhánh của nhánh thái dương TK có 1 phân nhánh (28%), 2 phân nhánh (32%), 3 phân nhánh (14,3%) và 4 phân nhánh (14,3%) [4]. Nghiên cứu của Öksüz CE và cộng sự (2019) [5] trên xác ướp thai nhi cho thấy tổng số nhánh tận của dây TK mặt là từ 6 đến 11 nhánh (trung bình $7,90 \pm 1,49$). Trong đó, số lượng nhánh thái dương trung bình là $1,23 \pm 0,50$ (1

- 3 nhánh). Tayfur V và cộng sự (2010) [6] phẫu tích 13 xác ướp với 26 nửa mặt thấy số lượng nhánh thái dương - trán trung bình ở mức cung gò má là 3,70. Số lượng trung bình của nhánh thái dương - trán TK mặt ở mức ngang giữa hốc mắt là 2,7.

4.2. Kích thước và định khu nhánh thái dương thần kinh mặt đoạn ngoài tuyến mang tai

Agarwal CA và cộng sự (2009) [7] phẫu tích 18 nửa mặt xác ướp đông lạnh thấy ở tất cả các tiêu bản nhánh trán đều đi trong mạc vô danh (innominate fascia) cắt qua cung gò má và đi vào vùng thái dương. Vùng mạc chuyển tiếp các nhánh trán được xác định ở khu vực cao hơn cung gò má 1,5 đến 3,0cm và nằm ở phía sau bờ ngoài của ổ mắt từ 0,9 - 1,4cm (Hình 2).



Nhánh trán chuyển tiếp từ mạc vô danh sang mạc thái dương nông

Phép đo trực x là khoảng cách ngang sau bờ ngoài ổ mắt và phép đo trực y là khoảng cách phía trên bờ trên cung gò má

Hình 2. Vùng mạc chuyển tiếp các nhánh trán (Nguồn: theo Agarwal CA và cộng sự 2010 [7])

Tayfur V và cộng sự (2010) [6] phẫu tích 13 xác ướp thấy khoảng cách của nhánh trán TK mặt đầu tiên và cuối cùng đến bờ bình tai (tragus) là 24mm. Khoảng cách trung bình của các nhánh đầu tiên và cuối cùng của TK trán đến bờ ngoài hốc mắt là 12mm và 24mm.

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi cũng cho thấy chiều dài nhánh thái dương thần kinh mặt đoạn ngoài tuyến mang tai của nhánh 1 là $33,84 \pm 6,69$ mm, nhánh 2 là $32,08 \pm 6,12$ mm và nhánh 3 là $30,71 \pm 7,08$ mm. Khoảng cách từ điểm khoe mắt

ngoài đến các nhánh thái dương thần kinh mặt nằm trên đường thẳng (d) của nhánh 1 là $53,91 \pm 6,45$ mm; nhánh 2 là $58,16 \pm 6,56$ mm và nhánh 3 là $58,79 \pm 5,50$ mm. Khoảng cách từ nơi nhánh thái dương thoát ra khỏi bờ trên của tuyến mang tai (M) đến đường thẳng (d) và (d2) là $28,48 \pm 8,18$ mm và $14,97 \pm 5,10$ mm, không có sự khác biệt giữa bên phải và bên trái ($p > 0,05$).

Khu vực giới hạn nhánh thái dương TK mặt trong nghiên cứu của chúng tôi cũng tương tự nghiên cứu của Seckel BR (2010) [8]. Vùng nguy

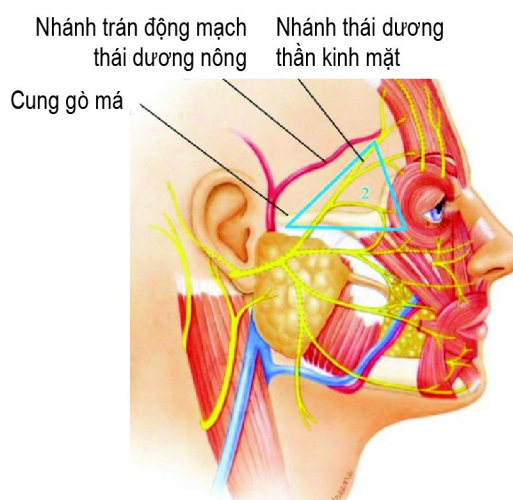
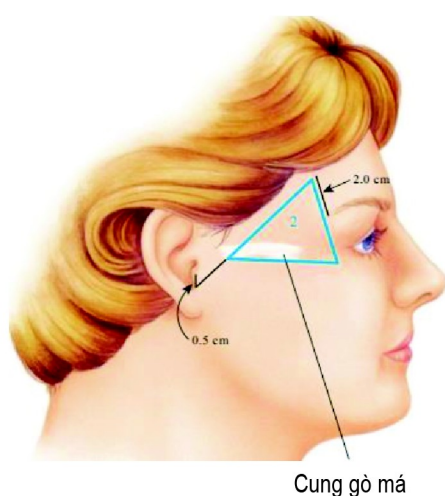
hiểm thứ 2 ở trên mặt được định vị bằng một hình tam giác với ba đường thẳng (Hình 3):

Đường thẳng thứ nhất: Từ điểm dưới gờ bình tai (tragus) 0,5cm đến điểm trên phía ngoài lông mày (lateral eyebrow) 2cm.

Đường thẳng thứ hai: Dọc theo cung gò má đến mép ngoài ổ mắt (lateral orbital rim).

Đường thẳng thứ ba: Từ điểm trên phía ngoài lông mày 2cm đi qua mép ngoài lông mày đến cung gò má qua đầu bên của lông mày đến hợp tử.

Ba đường thẳng này hình thành một tam giác, trong đó nhánh thái dương của dây thần kinh mặt nằm ở mặt dưới của lớp mạc thái dương đỉnh và hệ thống cân cơ nông (temporoparietal fascia - SMAS) rất dễ bị tổn thương trong phẫu thuật [8].



Hình 3. Vùng nguy hiểm thứ 2 trên mặt (Nguồn: Seckel B. R., 2010 [8])

5. Kết luận

Nghiên cứu giải phẫu 12 nửa mặt (bên phải: 7, bên trái: 5) trên xác ướp người Việt trưởng thành (tuổi trung bình: $73,00 \pm 13,39$: 52 - 88 tuổi; 8 nam và 4 nữ) thấy:

Ở đoạn ngoài tuyến mang tai, nhánh thái dương thần kinh mặt đi dưới mạc thái dương (100%). Số lượng nhánh thái dương mặt thoát ra khỏi bờ trên của tuyến mang tai trung bình là $2,50 \pm 0,67$ nhánh (2- 4 nhánh), không có sự khác biệt giữa bên phải và bên trái ($p > 0,05$).

Chiều dài nhánh thái dương thần kinh mặt đoạn ngoài tuyến mang tai của nhánh 1 là $33,84 \pm 6,69$ mm; nhánh 2 là $32,08 \pm 6,12$ mm và nhánh 3 là $30,71 \pm 7,08$ mm. Khoảng cách từ điểm khóe mắt ngoài đến các nhánh thái dương thần kinh mặt nằm trên đường thẳng (d) của nhánh 1 là $53,91 \pm 6,4$ mm; nhánh 2 là $58,16 \pm 6,56$ mm và nhánh 3 là $58,79 \pm 5,50$ mm.

Khoảng cách từ nơi nhánh thái dương thoát ra khỏi bờ trên của tuyến mang tai (M) đến đường thẳng (d) [đi qua khóe mắt ngoài và điểm chân của gờ luân giao với mặt] và (d2) [đi qua khóe mắt ngoài và điểm trên bình tai, ngay bờ trên ống tai ngoài] là $28,48 \pm 8,18$ mm và $14,97 \pm 5,10$ mm.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Văn Thanh, Lê Gia Vinh (1991) *Nghiên cứu giải phẫu nhánh trán của dây thần kinh mặt (r. frontalis n. facialis)*. Tập san Hình thái học, Tập 1, Số 2, tr. 8-10.
2. Babakurban ST, Cakmak O, Kendir S (2010) *Temporal Branch of the facial nerve and its relationship to fascial layers*. Arch Facial Plast Surg 12(1): 16-23.
3. Gosain AK, Sewall SR, Yousif NJ (1997) *The temporal branch of the facial nerve: How reliably can we predict its path?*. Plastic and Reconstructive Surgery 99(5): 1224-1233.

4. Zani R, Fadul RJr, Da Rocha MA et al (2003) *Facial nerve in rhytidoplasty: Anatomic study of its trajectory in the overlying skin and the most common sites of injury*. Annals of Plastic Surgery 51(3): 236-242.
5. Öksüz CE, Kalaycıoğlu A, Uzun Ö et al (2019) *Morphological evaluation of terminal branches of the facial nerve within the parotid gland in fetus cadavers*. Cukurova Med J 44(2): 1.
6. Tayfur V, Edizer M, Magden O (2010) *Anatomic bases of superficial temporal artery and temporal branch of facial nerve*. J Craniofac Surg 21(6): 1945-1947.
7. Agarwal CA, Mendenhall SD, Foreman KB et al (2010) *The course of the frontal branch of the facial nerve in relation to fascial planes: An Anatomic Study*. Plastic and Reconstructive Surgery 125(2): 532-537.
8. Seckel BR (2010) *Facial Danger Zones: Avoiding nerve injury in Facial Plastic Surgery*. © 2010 Thieme Medical Publishers, Inc.